

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 29/2019 /DS-PT

Ngày 15 - 03 - 2019

Tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Ông Y Phi Kbuôr.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2018/DS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 23 và 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2019/QĐPT ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Vĩnh N; bà Võ Thị Mỹ T.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H; có mặt.

Địa chỉ: 535 Giải Phóng, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Trần Văn P; bà Võ Thị N1; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Văn P – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Ông Trần Vĩnh N, bà Võ Thị Mỹ T (gọi tắt là vợ chồng ông N) quen biết với nhau nên có cho vợ chồng ông Trần Văn P, bà Võ Thị N1 (gọi tắt là vợ chồng bà N1) vay 03 lần tiền, cụ thể:

Ngày 24/10/2016 âm lịch (tức ngày 23/11/2016 dương lịch) cho vay **281.000.000đ**, khi nhận tiền bà T viết giấy mượn tiền còn bà N1 ký nhận dưới phần người mượn. Các bên thỏa thuận, vợ chồng bà N1 có nghĩa vụ trả nợ trong vòng 01 năm, mỗi ngày trả 300.000đ, trong đó có tiền lãi suất. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà N1 chưa trả tiền nợ gốc cũng như tiền lãi suất.

Ngày 11/11/2016 âm lịch (tức ngày 09/12/2016 dương lịch) cho vay **30.000.000đ**, khi nhận tiền vợ chồng bà N1 viết giấy mượn tiền và ký, viết tên Võ Thị N1, Trần Văn P là do bên vay ký, viết ra. Bên vay hẹn trong vòng 04 tháng sẽ trả và các bên thỏa thuận miệng về lãi suất. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà N1 chưa trả tiền nợ gốc cũng như tiền lãi suất phát sinh như đã thỏa thuận.

Tháng 01/2018, bà Võ Thị N1 cầm cố 02 xe máy trong đó có 01 xe máy của bà Võ Thị Mỹ T với số tiền 31.000.000đ, do không có tiền trả nên bà T đã trả thay cho bà N1, do vậy bà N1 nợ của bà T số tiền 31.000.000đ. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà N1 chưa trả tiền nợ gốc cũng như tiền lãi suất phát sinh như đã thỏa thuận.

Vợ chồng ông N ,bà N1 yêu cầu: Buộc vợ chồng bà N1, ông P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc **342.000.000đ** và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

*** Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:** Vợ chồng bà N1 không đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn. Bởi lẽ, vợ chồng ông N cho một mình bà Võ Thị N1 vay số tiền 312.000.000đ (trong đó ngày 24/10/2016 âm lịch vay 281.000.000đ khoản tiền này do bà và bà T chơi huê rồi viết cộng lại và tháng 01/2018 vay 31.000.000đ. Hai khoản tiền này không liên quan đến ông P chồng bà và ông P cũng thống nhất với lời trình bày của vợ ông.

Đối với số tiền vay 30.000.000đ, vợ chồng bà N1, ông P cùng đứng ra vay và cam kết hàng tháng trả nợ gốc cũng như tiền lãi suất cho vợ chồng ông N.

Đối với số tiền vay 312.000.000đ, bà N1 cam kết một mình trả nợ cho vợ chồng ông N theo từng tháng, cụ thể mỗi tháng trả nợ được bao nhiêu, bà N1 chưa xác định.

Tại bản án số 25/2018/DSST ngày 23 và 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã Quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 6; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 288; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 20, Điều 3, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

I/ Chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của ông Trần Vĩnh N, bà Võ Thị Mỹ T.

1/ Buộc vợ chồng bà Võ Thị N1, ông Trần Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Mỹ T, ông Trần Vĩnh N số tiền **350.770.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng*), trong đó nợ gốc 281.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh là 69.770.000đ.**

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

2/ Buộc vợ chồng bà Võ Thị N1, ông Trần Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Mỹ T, ông Trần Vĩnh N số tiền **38.478.000đ (*Ba mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn đồng*), trong đó nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh là 8.478.000đ.**

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

3/ Buộc bà Võ Thị N1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Mỹ T, ông Trần Vĩnh N số tiền **33.315.000đ (*Ba mươi ba triệu, ba trăm mười lăm ngàn đồng*) trong đó nợ gốc 31.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh là 2.315.000đ.**

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

II/ Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Vợ chồng bà Võ Thị N1, ông Trần Văn P phải chịu **19.458.000đ** án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị N1 phải chịu **1.665.000đ** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Vĩnh N số tiền tạm ứng án phí **8.550.000đ**, mà ông Trần Vĩnh N đã nộp theo biên lai số 0004286 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2018, bị đơn ông Trần Văn P kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên buộc bà Võ Thị N1 có nghĩa vụ trả nợ

cho bà Võ Thị Mỹ T, ông Trần Vĩnh N số tiền nợ gốc: 281.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định bởi ông Trần Văn P không liên quan đến số nợ này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn P - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 25/2018/DSST ngày 23 và 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng và tính sai lãi suất của số tiền vay 281.000.000đ nên đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa về phần lãi suất và án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn P:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “quá trình thu thập tài liệu chứng cứ tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận của nguyên đơn là vợ chồng ông N, bà T cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh là “Giấy mượn tiền” ghi ngày 24/10/2016 âm lịch (tức ngày 23/11/2016 dương lịch) thể hiện bà Võ Thị Mỹ T cho bà Võ Thị N1 vay 281.000.000đ, mục đích bà N1 vay để cất nhà và trang trải làm ăn, phía dưới phần người mượn có chữ ký, chữ viết mang tên “Võ Thị N1” là do bà N1 ký. Hơn nữa theo biên bản xác minh thì bà N1 vay khoản tiền 281.000.000đ để xây nhà cấp 4 là phù hợp với mục đích vay tiền của bà N1. Mặt khác khi Tòa án tiến hành đối chất bị đơn lẫn tránh không hợp tác, từ chối nghĩa vụ cung cấp chứng cứ ,chứng minh”, để từ đó chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Bởi lẽ phía bị đơn đều xác định rằng số tiền vay 281.000.000đ là do bà N1 và bà T chơi huê trước đây, sau đó cộng lại. Còn nội dung vay do bà T tự viết, khi lập giấy vay không có ông N cũng như ông P có mặt, rõ ràng không liên quan gì đến số nợ này. Từ phân tích nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn P, chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuyên buộc bà Võ Thị N1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà Võ Thị Mỹ T, ông Trần Vĩnh N số tiền nợ gốc 281.000.000đ và tiền lãi suất là 48.957.514đ.

[2.2] Về lãi suất, do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật và tính lãi sai của khoản tiền vay đề ngày 24/10/2016 âm lịch tức ngày 23/11/2016 âm lịch với số tiền là 281.000.000đ nên Tòa án cấp phúc thẩm phải sửa phần lãi suất này, cụ thể tính như sau:

$$281.000.000\text{đ} \times (0,09 : 12 \text{ tháng} \times 23 \text{ tháng}) = 48.472.000\text{đ}.$$

$$281.000.000\text{đ} \times (0,09 : 365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày}) = 485.000\text{đ}.$$

$$\text{Công của lãi 23 tháng và lãi của 7 ngày là } (48.472.000\text{đ} + 485.000\text{đ}) = 48.957.514\text{đ}.$$

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự tính sai và sửa án sơ thẩm nên phần án phí dân sự sơ thẩm mà bà Võ Thị N1 phải nộp được tính như sau.

$$\text{Tiền gốc } 281.000.000\text{đ} + 48.957.514\text{đ} \text{ tiền lãi} = 329.957.514\text{đ} \times 5\% = 16.479.875\text{đ}.$$

Ngoài ra bà Võ Thị N1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của khoản vay đến tháng 1/2016 với khoản tiền án phí DSST là 1.665.000đ. Như vậy án phí một mình bà Võ Thị N1 phải nộp là $16.479.875\text{đ} + 1.665.000\text{đ} = 18.445.875\text{đ}$.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trần Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm 25/2018/DSST ngày 23 và 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của ông Trần Vĩnh N, bà Võ Thị Mỹ T.

- Buộc bà Võ Thị N1, có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Mỹ T, ông Trần Vĩnh N số tiền **329.957.514đ** (*Ba trăm hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm mười bốn đồng*), trong đó nợ gốc 281.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh là 48.957.514 đồng. Và số tiền **33.315.000đ** (*Ba mươi ba triệu, ba*

trăm mười lăm ngàn đồng) trong đó nợ gốc 31.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh là 2.315.000đ.

- Buộc vợ chồng bà Võ Thị N1, ông Trần Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Mỹ T, ông Trần Vĩnh N số tiền **38.478.000đ** (Ba mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn đồng), trong đó nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh là 8.478.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị N1, phải chịu **18.144.875** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị N1 và ông Trần Văn P phải chịu **1.923.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Vĩnh N số tiền tạm ứng án phí **8.550.000đ**, mà ông Trần Vĩnh N đã nộp theo biên lai số 0004286 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ khoản tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 0008901 đã nộp vào ngày 29/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo vào khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông phải nộp.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo.
- VKSND huyện Ea H'leo.
- Chi cục T.H.A.DS huyện E..
- Dương sự;
- Cổng thông tin điện tử Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng